

Bản án số: 354/2017/HS-PT
Ngày 17 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn – Kiểm sát viên cao cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 761/2016/HSPT-TL ngày 29 tháng 12 năm 2016 đối với bị cáo Nguyễn Phước L và Nguyễn Hữu Ph do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước L và Nguyễn Hữu Ph đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân tænh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

1/. **Nguyễn Phước L**, sinh năm: 1986, thường trú: ấp T1, xã T2, huyện L1, tỉnh Vĩnh Long. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: Đại học, Nghề nghiệp: Công chức; Con của ông Nguyễn Văn Ph1 và bà Tô Thanh T; Vợ tên Nguyễn Thị Quỳnh Nh (đã ly hôn); Con tên Nguyễn Phúc A, sinh năm 2013, đang sống với bị cáo. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-03-2016 đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam và có mặt tại phiên tòa.

2/. **Nguyễn Hữu Ph**, sinh năm 1987; thường trú: ấp T3, xã T2, huyện L1, tỉnh Vĩnh Long. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con của ông Nguyễn Văn

D và bà Nguyễn Thị Ng; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phước L là: Luật sư Lê Thị Hồng Nh1, Văn phòng Luật sư Lê Thị Hồng Nh1, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Người bị hại có kháng cáo: Ông Đào Quang D1, sinh năm 1975, thường trú: đường B, phường X, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2014, Nguyễn Phước L là nhân viên làm việc tại Tr tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở công thương tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình làm việc, Phước L có quen biết một số lãnh đạo ngành và ngoài ra Phước L còn bịa ra quen biết với một số cán bộ có khả năng tác động trúng thầu cung cấp máy phát điện loại hạ thế hoặc tác động chuyển đổi mục đích sử dụng đất để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể:

Vào cuối năm 2013, Đào Quang D1, có tham gia dự án đấu thầu cung cấp máy phát điện của Đài phát thanh truyền hình Vĩnh Long. Biết L có quen biết nhiều người nên D1 nhờ L tác động đến Hội đồng xét thầu để được trúng thầu.

Lợi dụng lòng tin của ông D1, Phước L đã yêu cầu ông D1 gửi tiền để bồi dưỡng cho Hội đồng xét thầu, D1 đã nhiều lần đưa tiền cho L với tổng số tiền là 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*). Nhưng sau đó ông D1 không trúng được thầu, nên ông D1 đã nhiều lần yêu cầu Phước L trả lại tiền.

Để có tiền trả cho ông D1, đầu năm 2014, Phước L điện thoại cho ông D1 bịa chuyện Phòng hậu cần Công an tỉnh Vĩnh Long cần nhà thầu cung cấp máy phát điện 1.000KVA với tổng giá trị đấu thầu 02 tỷ đồng. Tin lời của Phước L hứa hẹn giúp đỡ của L nên vào khoảng tháng 5/2014, ông D1 gặp và đưa cho L thêm số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) để làm chi phí tác động, sau đó khoảng 03 ngày thì ông D1 tiếp tục đưa cho Phước L thêm 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Đến giữa tháng 6/2014, L kêu D1 đưa tiền để làm hồ sơ dự thầu, lần này ông D1 không gặp mặt trực tiếp mà chuyển tiền vào tài khoản của Phước L tại Ngân hàng với số tiền 152.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, Phước L tiếp tục yêu cầu ông D1 gửi thêm tiền, do bận công tác nên ông D1 có nhờ Nguyễn Hữu V, là nhân viên của công ty xuống đưa cho Phước L số tiền 190.000.000 đồng và lấy phiếu thu và quyết định trúng thầu đem về cho D1. Do không có phiếu thu và quyết định trúng thầu nên Phước L kêu V về và điện cho ông D1 hẹn 02 ngày sau sẽ đưa phiếu thu.

Để tiếp tục tạo lòng tin với ông D1, L nhờ Nguyễn Hữu Ph đóng vai Tr, Phó phòng hậu cần Công an tỉnh Vĩnh Long và dặn Ph có gì thì nhắn tin và nói cho Phước L biết, Phước L chủ động soạn tin nhắn chuyển lại cho Ph để Ph gửi cho ông D1. Tin tưởng Ph (là anh Tr) và nghe Phước L nói chưa bồi dưỡng cho Tr nên D1 hứa sẽ đem tiền xuống cho Phước L đưa cho Tr. Khoảng 03 ngày sau, ông D1 gặp Phước L tại nhà hàng Thiên Tân và đưa Phước L số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì Phước L tắt máy điện thoại, ông D1 không liên hệ được biết mình bị lừa, nên làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của Phước L. Tổng số tiền Phước L đã lừa chiếm đoạt của ông D1 là 672.000.000 đồng.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Phước L còn thừa nhận với thủ đoạn như trên đã thực hiện 02 vụ án khác:

- Vụ thứ nhất: Tháng 8-2014, Lê Thanh V đến Sở công thương tỉnh Vĩnh Long để gửi hồ sơ thẩm định thì gặp Phước L và được Phước L giới thiệu có dự án đầu thầu công trình điện Tr hạ thế và máy biến áp của Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long. Sau đó, thì V điện thoại nhờ Phước L giúp đỡ để được đầu thầu. Lúc này, Phước L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh V nên Phước L nói dối là có quen biết với thầy Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm kỹ thuật và hứa sẽ tác động đến thầy để giúp đỡ V. Từ đó, Phước L đưa ra nhiều thông tin không có thật mục đích để cho V đưa tiền, do tin tưởng V đã nhiều lần đưa tiền cho L với tổng số tiền là 136.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Cuối năm 2014, anh Trần Thành C đang thi công xây dựng nhà thì bị Thanh tra Sở xây dựng tỉnh Vĩnh Long kiểm tra và lập biên bản vì chưa chuyển mục đích sử dụng đất. Thông qua sự giới thiệu của Trần Hoàng T4, nên anh C có nhờ Phước L giúp đỡ việc chuyển mục đích sử dụng đất. Lợi dụng lòng tin của anh C, Phước L nảy sinh ý định lừa anh C để lấy tiền nên đã bịa chuyện quen biết các cán bộ thuế và yêu cầu anh C đưa tiền để đóng thuế và đóng tiền lệ phí, tin lời nên anh C đã nhiều lần đưa tiền cho Phước L số tiền là 148.200.000 đồng. Sau khi lấy được tiền Phước L không thực hiện như đã hứa mà chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

Riêng đối với hành vi của Nguyễn Hữu Ph: Sau khi L nhờ đóng giả làm người tên Tr, chức vụ Phó phòng hậu cần Công an tỉnh, Ph đồng ý và nhiều lần sử dụng số điện thoại của mình nhắn tin cho ông D1 thông qua các tin nhắn mà Phước L đã soạn sẵn để tạo lòng tin ở ông D1 nhằm giúp cho Phước L chiếm đoạt tiền của ông D1. Sau nhiều lần thấy ông D1 gửi tiền cho Phước L, nên Ph đã nảy sinh ý định tiếp tục giả danh người tên Tr và nhắn tin yêu cầu ông D1 gửi 5.000.000 đồng cho Ph thông qua tài khoản Ngân hàng của chị Nguyễn Hồng Đ (chị của Ph) thì được ông D1 đồng ý. Sau khi được ông D1 gửi tiền, Ph mượn thẻ ATM của chị Đ ra Ngân hàng rút số tiền 5.000.000 đồng để sử dụng tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, Ph còn giúp đỡ Phước L giả đến trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long gặp anh Lê Thanh V nói thầy Hiệu trưởng kêu ra lấy đồ để cho V tin tưởng đưa cho Phước L số tiền 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo các bị cáo Nguyễn Phước L, Nguyễn Hữu Ph phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, Điều 20, Điều 53; các điểm p, b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo được tính từ ngày 18-03-2016, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Ph 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo được tính từ ngày nhập trại chấp hành án.

áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự, các Điều 604, 605, 606, 607 và khoản 1 Điều 608 của Bộ luật dân sự :

+ Buộc bị cáo Nguyễn Phước L và bị cáo Nguyễn Hữu Ph phải có trách nhiệm bồi cho ông Đào Quang D1 là 352.000.000 (*Ba trăm năm mươi hai triệu*) đồng, trong đó phần bị cáo Hữu Ph chịu trách nhiệm liên đới với số tiền bồi thường 80.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Phước L phải có trách nhiệm bồi cho anh Trần Thành C 78.200.000 (*Bảy mươi tám triệu hai trăm ngàn*) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Ph1 trong việc giúp cho bị cáo Nguyễn Phước L bồi thường cho ông Đào Quang D1 và anh Trần Thành C.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 29/11/2016, bị cáo Nguyễn Phước L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/11/2016, bị cáo Nguyễn Hữu Ph kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xem xét số tiền phải bồi thường cho ông Đào Quang D1.

Ngày 29/11/2016, ông Đào Quang D1 là bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phước L và buộc bị cáo phải trả cho ông 352.000.000 đồng trong thời hạn 2 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bị hại ông Đào Quang D1 trình bày sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo L đã bồi thường thêm 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 302 triệu đồng ông yêu cầu bị cáo L trả. Ngày 06/12/2016 bị cáo Ph đã bồi thường cho ông D1 80 triệu đồng và ông D1 đã làm đơn bãi nại cho bị cáo Ph và đề nghị HĐXX cho bị cáo Ph được hưởng án treo. Ông D1 cũng đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa ông D1 là bị hại thay đổi kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L và đề nghị cho hưởng án treo đối với bị cáo Ph. Đối với bị cáo Ph là người giúp sức cho L chiếm đoạt số tiền 80 triệu đồng của ông D1 nhưng án sơ thẩm lại xét xử bị cáo Ph đồng phạm với L chiếm đoạt tổng số tiền 956.200.000 đồng theo khoản 4 Điều 139 BLHS là không đúng mà bị cáo Ph chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 139 BLHS. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 80 triệu đồng cho bị hại mà đáng ra chỉ liên đới với bị cáo L bồi thường toàn bộ số tiền này. Xét, nhân thân bị cáo chưa tiền án, tiền sự đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ph, cho bị cáo hưởng án treo. Đối với bị cáo L, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo L đã bồi thường thêm cho ông D1 50 triệu đồng và ông D1 thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù là đã xem xét đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L trình bày: Bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ mới như đã bồi thường thêm cho bị hại, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, luật sư bào chữa và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hình thức đơn kháng cáo của các bị cáo và của bị hại làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Xét án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có cơ sở phù hợp luật định.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Án sơ thẩm cũng đã áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Đối với bị cáo Nguyễn Phước L, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi vụ việc bị phát hiện, bị cáo đã thật thành khai báo, đã có

thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động được đến gia đình để giúp cho bị cáo khắc phục được 55% thiệt hại cho các bị hại, trong đó có một bị hại đã được khắc phục hoàn toàn và bị hại này đã có đơn bãi nại cho bị cáo. Do vậy cũng nên áp dụng các tình tiết ở điểm p, b khoản 1 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Ph, với vai trò giúp sức bản thân Ph đã nhiều lần giúp cho L chiếm đoạt của ông D1 80.000.000 đồng; Ngoài ra, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân Ph lấy danh anh Tr yêu cầu ông D1 chuyển tiền qua tài khoản của người thân để chiếm đoạt 5.000.000 đồng. Khi vụ việc bị phát hiện, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp 5.000.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Đào Quang D1 (ông D1 nhận lại ngày 01-11-2016). Do vậy cũng nên áp dụng các tình tiết ở điểm p, b khoản 1 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Đối với bị cáo L chiếm đoạt tổng số tiền là 956.200.000đ, khắc phục được 526.000.000đ, còn lại 430.200.000đ, bị xét xử ở điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 12 năm đến chung thân, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 7 năm tù là quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Ông Đào Quang D1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng cấp phúc thẩm chấp nhận, tuy nhiên tại phiên tòa xét xử phúc thẩm ông D1 thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã bồi thường thêm 50 triệu cho ông. Hội đồng xét xử nhận thấy mức án 07 năm tù là nhẹ nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, và đề nghị của người bị hại về việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Ph, nhận thấy: Bị cáo Ph đã giúp sức cho L lừa đảo chiếm đoạt 80.000.000đ của ông D1, do đó Ph chỉ bị xét xử theo theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự là không đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông D1 80 triệu mà đáng ra bị cáo chỉ chịu trách nhiệm liên đới cùng bị cáo L, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Riêng bị cáo Ph kháng cáo về số tiền phải bồi thường, cấp sơ thẩm xử buộc bị cáo Nguyễn Phước L và bị cáo Nguyễn Hữu Ph phải có trách nhiệm bồi cho ông Đào Quang D1 là 352.000.000 (*Ba trăm năm mươi hai triệu*) đồng, trong đó phần bị cáo Hữu Ph chịu trách nhiệm liên đới với số tiền bồi thường 80.000.000 đồng. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường 80 triệu cho ông D1 như nêu trên, do vậy cần ghi nhận vấn đề này về phần dân sự. Bị cáo có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác về vấn đề này.

Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ph và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa án sơ thẩm.

Do kháng cáo của bị cáo L không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Áp dụng điểm d Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự,

1/ Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước L về phần hình phạt. Chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Đào Quang D1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Ph về phần hình phạt.

2/ Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/HS-ST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phước L.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phước L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 139, điểm p, n khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo **Nguyễn Phước L** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2016.

3/ sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt và phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu Ph.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Ph phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e, Khoản 2 Điều 139, Điều 20, Điều 53, các điểm p, n khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Ph** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; giao bị cáo Ph cho Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện L1, tỉnh Vĩnh Long theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự, các Điều 604, 605, 606, 607 và khoản 1 Điều 608 của Bộ luật dân sự :

Ghi nhận việc gia đình bị cáo L đã bồi thường thêm cho ông Đào Quang D1 số tiền 50.000.000 đồng và bị cáo Ph đã bồi thường cho ông D1 80.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Phước L phải bồi thường cho ông D1 số tiền 302.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hữu Ph có quyền khởi kiện bị cáo Nguyễn Phước L về số tiền 80.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường cho ông Đào Quang D1 bằng vụ kiện dân sự khác.

Bò cao Nguyễn Phước L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích về án treo cho bị cáo Nguyễn Hữu Ph.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long (Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long tổng đạt cho bị cáo (1));
- Lưu VP (3), HS, (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh